

ĐẶC KHẢO VỀ ĐẢO PHÚ QUÝ (Tiếp theo)

Lê Hữu Lễ*

Lịch sử thuế đình

Vấn đề thuế đình tại đảo Phú Quý từ xưa đến nay vẫn còn ghi lại nỗi đau lòng của đồng bào. Các sắc thuế ở hải đảo này đã phải chịu qua 3 thời kỳ gồm có: Thuế vẫy đôi môi, thuế mắm cơm và thuế vãi Hòn, tất cả đều được đặt dưới hình thức của thuế đình (thuế thân) lấy bài chỉ.

Thuế đôi môi được kể là thứ sắc thuế khởi đầu mang tánh chất vô cùng hiểm độc đối với người dân Phú Quý dưới triều nhà Nguyễn. Ở vào thời cổ sử La Mã, Trung Hoa, gần nhất là Việt Nam ta, đều coi đôi môi là phẩm vật quý giá cống hiến cho các vua chúa, danh tướng, tiểu vương. Riêng ở Việt Nam đôi môi được liệt hạng là loại hải sản đặc sắc nhất vì người ta chỉ có thể tìm gặp đôi môi ở rất ít nơi khác trên hoàn cầu như Madagascar, Ấn Độ Dương, Tân Gia Ba, Nam Mỹ cùng một vài quần đảo nhỏ trong eo biển Malacca.

Thuế vẫy đôi môi tại Phú Quý thi hành với sự luân phiên cắt cử người đại diện đi lấy vẫy nộp thuế cho triều đình. Những vị đại diện dân chúng hải đảo này trước tiên phải được chọn là ngư phủ chuyên nghiệp, ngoài việc biết bắt con đôi môi còn cần am hiểu rộng rãi về địa hình, thời tiết cùng sinh hoạt của nó ở nơi cố định nữa.

Hàng năm cứ mùa nôm Nam thổi đến thì đồng bào Phú Quý đã chuẩn bị làm cái việc bắt thăm lãnh phần xung phong cầm tử đi lấy đôi môi. Người ta kết bè bằng tre, trét lên loại chai dính kín để làm phương tiện di chuyển đến hòn đảo có đôi môi. Trên hải trình quá xa không thể ước tính được đoạn đường dài, từ Phú Quý nhắm một hòn đảo nhỏ về phía đông bắc chạy tới là nơi có rất nhiều đôi môi xuất hiện gọi hòn Vích hay hòn Vẫy tức hòn Đôi Môi.

Đến hòn Vẫy, trước tiên người ta cho tháo gỡ bè đem đi giấu kín, bắt một số đôi môi ấn định cho năm đó sau khi lấy vẫy thì kết lại. Từ hòn Vẫy khởi hành thẳng hướng triều đình Huế (gọi là về Bộ) nộp thuế đôi môi xong mới được trở về quê nhà ở hải đảo. Tại hòn Vích, với kinh nghiệm già dặn, vất vả, người ta lần theo dấu để bắt con đôi môi. Khoảng thời gian bắt được con đôi môi thường kéo dài đôi ba tháng mới chấm dứt, do đó có lần rủi bị nước dâng lớn kéo lôi bè tre đi mất, người ta đành phải ở lại hòn này. Ít lắm cũng vài ba năm, họa hoàn gặp tàu bè tấp đến mới xin phép tháo bè về quê quán được.

Vì ở lại quá lâu không còn quần áo mặc, người ta phải đập lấy loại cây hoang đóng khố che thân, tìm thức ăn nhờ tài tháo vát để qua ngày, rủi ro “thác gỏi sống về” là thường tình của cuộc đời người đi nộp thuế. Từ hòn Vẫy ra Bộ, những vị đại diện dân chúng hải đảo nộp thuế đôi môi thường gặp phải bao nhiêu gian nan nguy hiểm. Với loại thuyền bè xa xưa cổ lỗ khó

* Thành phố Hồ Chí Minh. Xem từ Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 6(77). 2009.

tránh những ngọn sóng ba đào. Đến triều đình nộp thuế xong còn phải chờ đến mùa gió Bắc thổi mới trở về hải đảo, nên mới có câu: “Nam đi Bắc về là thuận phong (gió)”. Ngày xưa các triều vua chúa đã biết cách giữ con đòi mỗi nguyên vẹn treo chơi trên vách như bức tranh, tấm ảnh dùng trang trí. Ngoài ra chưa đặt thành việc đem biển chế làm các món trang sức quý như ngày nay.

Người ra đi ngày càng biến biệt, kẻ ở nhà mỗi mòn đợi trông và kẻ như mất tích hoặc làm mối cho biển cả. May mắn được cái ngày sum họp thì có người chịu cảnh phân ly đau đớn khác: vợ sang ngang vì tưởng chồng đã chết, con trẻ nhìn cha thành người xa lạ. Trong một trường hợp dẫn chứng cho thấy sự thật phũ phàng, hiện ông Phạm Trí ở ấp Tây Long Hải, vị đại diện đồng bào hải đảo đi nộp thuế đòi mỗi thuở trước, còn cất giữ kỷ vật là một ống câu bằng loại cây bôn bôn mọc tại hòn Vích. Những ai đã tử về thuế đòi mỗi hoặc song toàn trong ngày về được tiếp đón tưng bừng như đại hội, thấy đều được toàn dân đảo Phú Quý liệt danh công đức muôn đời.

Tiếp theo thuế vảy đòi mỗi, người dân đảo Phú Quý còn phải nộp thứ thuế của thời kỳ thứ hai là thuế mắm cơm. Mắm cơm là một loại cá cơm được chế biến dưới hình thức muối mắm và trở thành mắm mặn, gọi mắm cơm. Thuế mắm cơm ấn định cho mỗi người dân đình đảo Phú Quý phải nộp một ghè đường (thứ hũ bằng sành thường dùng đựng đường) dạn vào vừa một ký mắm.

Mắm cũng như nước mắm sản xuất nhiều nhất tại Bình Thuận lâu nay nắm giữ vai trò độc tôn so với các tỉnh khác dọc miền duyên hải Trung Phần. Từ xưa, mắm được hầu hết mọi người ưa chuộng nâng lên hàng thứ nhứt trong số các sản phẩm thuần túy địa phương. Do đó, các vị vua chúa đã nhắm vào tánh chất đặc biệt này của mắm để áp dụng cho đồng bào hải đảo theo lệ nạp thành thứ sắc thuế thường niên.

Giai đoạn chót của sắc thuế đình được thi hành tại hải đảo là thuế vãi Hòn tức Bạch bố. Thuế vãi Hòn dành cho những đồng bào nghèo không khả năng đóng thuế, tự dệt lấy thứ vãi này để nộp gọi là vãi thuế. Mỗi cây (khúc) vãi Hòn phải là thứ đặc biệt dài 6 thước, ngang 6 tất dệt với loại chỉ nhỏ sợi mịn màng, giá tương đương hồi ấy với 1 quan tiền. Là một loại vãi rất tốt và bền, vãi Hòn được triều đình Huế sử dụng trong các cuộc lễ tế Nam Giao, may quần áo mặc cho lính Khố xanh thuộc Pháp.

Tục truyền rằng, vua Gia Long từng bị quân Tây Sơn rượt chạy vào tới đảo Phú Quý và ở lại đây một thời gian để “nghỉ binh”, đến khi quân Tây Sơn vào đến đảo thì vua Gia Long đã lọt qua ngả vịnh Xiêm La đã hai ngày. Về sau, vì cảm thương dân có lòng giúp vua, nên Ngài mới dành thứ thuế vãi Hòn cho những người nghèo phải nộp mà thôi (?).

Ở vào thời kỳ mà các thổ hào địa phương hải đảo tuy giàu có với quyền lực sẵn bên mình, nhưng không hề cậy thế hiếp đáp dân lành, vì thông cảm hoàn cảnh khổ sở mà đồng bào phải gánh chịu qua các thứ sắc thuế. Nhờ vậy, những kỳ hào địa phương đã xin đặc ơn dành cho đồng bào hải đảo được phân để dãi trong việc nộp thuế vãi Hòn.

Người ta nhắc lại rằng các thẻ bài chỉ khi được phát ra đều còn cất giấu

lại một nửa (ví dụ 200 dân đình thì 100 người có thể). Một số trai đình trong làng được các Xã trưởng cất thẻ “dùm” gọi là giấu dân tức dân lậu hay dân ngoại bộ, đều phải nộp thuế nhưng chỉ với tánh cách tượng trưng mà thôi. Số tiền tượng trưng này sung vào quỹ khánh tiết hàng năm tại các đình làng. Mặt khác, mỗi khi vào đất liền họ trao nhau sử dụng thẻ bài chỉ theo lối chuyền tay từ 5 tới 10 người, một hình thức ăn gian nhà nước bảo hộ, qua mặt luôn cả các thám tử Ty Liêm phóng Phan Thiết hết sức dễ dàng.

Bệnh dịch hạch

Ở đảo Phú Quý bệnh dịch hạch trước kia xảy ra thường xuyên hàng năm vào khoảng từ tháng 10 đến tháng 2 mới dứt. Năm 1925 được kể là năm lịch sử của bệnh dịch hạch đã giết chết rất nhiều dân chúng trên đảo, cơ hồ như sắp bị tiêu diệt. Thoạt tiên, người ta thấy vô số chuột nhỏ cỡ bằng ngón tay xuất hiện tràn đầy từ đất rẫy đến chân núi, nhà cửa, ruộng vườn, hẻm hóc, nói tóm là khắp các nơi tại Phú Quý. Chúng cắn phá hầu hết các loại hoa màu làm hư hại mùa màng năm đó, đục khoét lỗ hang, gây thiệt hại nặng về vật chất.

Bấy giờ có gia đình cả nhà chết không còn một đứa trẻ, trong một ngày chết luôn cả xóm hàng trăm người không kịp chôn chôn. Một tổ chức từ thiện lấy tên là “Ban làm phước” do ông Nguyễn Quen, thân sinh ông Nguyễn Tạc hiện ngụ tại ấp Tây Long Hải, đã nhận việc và phát nguyện xin cho bệnh dịch sớm chấm dứt sẽ cúng tạ thần linh bằng con trâu. Ban làm phước có nhiệm vụ lo mai táng chôn cất những đồng bào xấu số không thân nhân, tiêu diệt và chôn vùi xác chuột với sự tích cực hăng say.

Nhận được tin bệnh dịch hoành hành khủng khiếp, một đoàn y tế tỉnh do y tá Ung Văn Vy hướng dẫn đến ngay đảo thực hiện công tác diệt trừ nạn dịch. Phái đoàn giải thích sự nguy hiểm của bệnh dịch và cần đưa các bệnh nhân đến bệnh xá có đầy đủ thuốc men điều trị. Nhưng nhận thấy người vào bệnh xá chết quá nhiều, dân chúng hoảng sợ không dám chở người đau đến nữa. Vì để giấu ở nhà, nên gây thêm sự truyền nhiễm nhanh chóng cho những nhà bên cạnh. Những đồng bào bất tuân này đều bị phạt vạ bằng hiện kim. Phát động chiến dịch diệt chuột, ông Ung Văn Vy cử thầy thơ lại ở Tuy Phong ra đảo mua chuột và đuôi chuột. Điều kiện đặt mua 1 đuôi chuột giá ½ xu và 1 chuột con chết nhúng vôi phơi khô thì trả 1 xu. Tức thì, kẻ cuốc người bẫy rủ nhau ra rẫy tìm chuột để nạp. Nhờ vậy nạn chuột mới chấm dứt cho đến nay.

Nạn ruồi

Tiết nồm Nam không gió gọi là láng tức êm, thì có ruồi vô số kể. Trái lại mùa gió Bắc gió thổi nhiều thì chỉ giảm sút phần nào thôi. Có người tự mở chiến dịch thu hẹp trong phạm vi gia đình, kết quả cứ mỗi nóc gia một ngày diệt được trung bình một số ruồi cân nặng từ 1 đến 2 ký lô. Nhưng vì không được sự hưởng ứng của bà con bên cạnh mới nảy sinh sự so bì: “Có ai chịu giết ruồi đâu mà mình giết rồi chúng trở lại như không”, thế rồi chiến dịch này tự nó bị đào thải, giúp ruồi thêm cơ hội sinh sản ngày một gia tăng. Đồng bào Phú Quý cho rằng tuy có nhiều ruồi thật, nhưng không nguy

hiểm (?), nếu truyền nhiễm chất độc thì dân đảo đã chết hết không còn. Du khách hết sức ngạc nhiên khi thấy đồng bào không gớm ruồi, không coi ruồi là giống vật có hại, thản nhiên để ruồi đậu hàng chục hàng trăm con trên mỗi thức ăn rồi thản nhiên thưởng thức ngon lành. Người lớn đã vậy, trẻ con mới đáng thương hại hơn! Ruồi đậu trên đầu, khóe mắt, trên mũi, trên miệng, trên bánh kẹo của chúng đang ăn. Thế mà từ lâu nay không ai đề xướng vấn đề tránh ruồi, trừ ruồi, không ai đề nghị một cách thiết thực hơn để xin chánh quyền trợ giúp, không ai chỉ bảo đồng bào sự nguy hiểm do ruồi mang đến.

Phong tục tập quán

Người dân đảo Phú Quý tuy cùng chung gốc tích, thổ ngữ, tập quán và tôn giáo với đồng bào lục địa, nhưng vẫn có những điểm khác biệt lạ lùng.

Về giọng nói ta thấy đã thay đổi rất nhiều, trong cách phát âm tại 3 xã trên đảo đều có 3 giọng khác nhau mà người ta bảo rằng do ảnh hưởng của nước Cống. Một số đồng bào ấp Tây Long Hải (Xóm Bãi Dừa) có giọng nói nhẹ và nhanh, đọc sai, viết đúng danh từ. Ví dụ, tiếng HẾT nói HỐT, chữ RỔ nói DỔ, A đọc thành E, riêng chữ V thì phát âm rất đúng giọng.

Do sự đồng hóa người Chăm, vài tập tục lai Chiêm Thành vẫn còn giữ được cho đến nay qua lối mặc, bịt khăn, đeo kiềng, đeo vòng, ăn trầu là của đồng bào xóm Chăm gọi xóm Bà Chúa ấp Tây Long Hải để lại. Ngoài ra, thói quen mang gùi còn cho rằng giống đồng bào Thượng. Ở đây chiếc gùi có rất nhiều công dụng để liên lạc từ xã này qua xã khác, đựng củi nhật được và mua sắm các nhu yếu phẩm hàng ngày. Mang gùi để thay gánh gồng bưng xách là lối sống cổ truyền của đồng bào Phú Quý, cho nên có câu:

“Ngoài đảo thấy vậy mà vui
Đi đâu cũng có chiếc gùi sau lưng”

Tục cúng nhà mới còn khác lạ ở chỗ dù người họ hàng hay khách lạ chẳng nữa cũng được mời tham dự. Người ta cúng tạ bằng 1 heo và đúng vào giờ Sửu (2 giờ sáng) đến 5 giờ là bắt đầu mời thực khách đến xơi, rủ ngủ quên thì coi như không dự tiệc.

Lễ cưới hỏi vẫn còn được duy trì theo tập quán cổ truyền, tuy nhiên không giống nhau về hình thức áp dụng ở từng địa phương của 3 xã. Cách thức hỏi vợ của hai xã Long Hải và Ngũ Phụng cho thấy ngoài mâm trầu hũ rượu, đến ngày cưới còn có lệ cúng ông bà tục gọi Phạt bàn thờ với 1 cỗ xôi, 1 con gà luộc. Lễ bên đàn gái còn phải sắm thêm 1 khay trầu cau thứ hai gồm 1 đôi đèn, 1 xị rượu với 100 đồng bạc mặt gọi là nạp lễ Lãng nha. Việc lập hôn thú được khai diễn trước sự hiện diện đông đủ hai họ và ông mai trước khi đưa cô dâu về nhà chồng. Đặc biệt trong việc tổ chức đãi đằng thì được bên nhà gái hoàn toàn phụ trách. Gia đình nào không khá giả thì giản dị hóa với cỗ xôi, con gà luộc. Cúng xong thì chặt nhỏ ra mời ông mai cùng gia đình cha mẹ hai bên mỗi người gấp một miếng gọi là đủ lễ.

Đối với xã Tam Thanh thì tục này có thêm phần rườm rà theo tục xưa. Đàn gái bắt buộc đàn trai phải chịu lời bằng đôi bông tai hoặc sợi dây chuyền và quần áo mặc. Khi Phạt bàn thờ còn thêm mâm trầu hũ rượu, ngoài

ra có hai lọng che ông mai và ché rượu khiêng qua nhà hàng gái. Tại đây có tổ chức tiệc trà linh đình khoản đãi. Cuối cùng, cô dâu chàng rể phải tới lạy tạ ông mai và ông thầy coi ngày cưới rồi sau đó mới được về nhà chồng.

Trong ngày Tết Nguyên đán đầu năm, người ta có lệ tới nhà để chúc nhau, tùy theo cấp bậc họ hàng quyền thuộc sửa đổi thành từ xưng hô với lời thơ vắn:

“Tôi đến đây là mừng một Tết	Tiền nông vô số
Năm cũ đã hết	Dạ dạ năm nay trời độ
Bước tới đầu xuân	Chúc cái mừng nhà
Yểm cội nghinh tân	Mừng tuổi ông bà
Xô tà trừ mỵ	Vợ chồng ăn uống xướng ca no đủ
Đào phụ vạn hội	Trường thọ sống lâu
Khởi cánh tân xuân	Mọi đâu có đức
Lấy cây Tiêu tùng	Mỗi đức mỗi nhiều
Làm cây Thọ giáo	Làm ăn nhiều bạc nhiều tiền
Phụng khảo đơn trì	Minh niên năm mới
Phán chi ly	Dạ, điều lành đem tới
Chúc cho vợ chồng anh	Điều dữ tống xa
Sống tợ linh quy	Thượng mục hạ hòa
Bà sang hạc tán	Phong đều vũ thuận
Niên cao đẳng đẳng	Dạ, rồi tôi chúc sang
Địa hậu khôi khôi	Năm mới đăng chữ thái hòa
Làm ăn của cải vô hồi	Nước Việt Nam an cư lạc nghiệp” ^(*)

Dứt lời, gia chủ vui vẻ cảm tạ đáp lại với ly rượu mừng xuân hoặc lì xì để lấy hên trong tin tưởng suốt năm tiền vô như nước!

Những sự kiện khác biệt

Từ năm 1945 trở về trước, nhà cửa ở hải đảo thường bị cơn gió Bắc hàng năm thổi “săng” [thổi rất mạnh] vào các tháng 11, tháng Chạp làm tung bay hư sụp dễ dàng. Đó là những căn nhà tranh cất theo lối “ổ cường” trống gió tứ bề, địa phương gọi là nhà “ốp”. Để đề phòng, người ta xây nhà sâu dưới mặt đất chừng 1 thước 50 chung quanh có hàng cây củ (giống lá bồ đề). Cây củ có thể cản gió, lá cho bò ăn, cành phơi khô chụm củi, thân cây dẻo làm cày rất chắc. Một số nhà khác thì ầm thấp lụp xụp, trên trần gác dầm cây, bỏ cà tăng trét đất sét nên gọi nhà đất. Bên trong lót ván chừa những kẽ hở nhỏ nhỏ nước quét trầu, mỗi năm dọn quét một đôi lần làm vệ sinh. Người ta tính rằng hồi ấy chỉ có 1% nhà ngói thuộc hạng trung lưu khá giả mà thôi. Do đó hầu hết đồng bào địa phương hàng năm đều cần kiệm dự trữ tiền bạc mới có một mái nhà tương đối khang trang chắc chắn chống lại những cơn gió lốc bất ngờ.

Từ năm 1955 đến cuối năm 1962, trong tinh thần tương thân tương trợ, người ta tổ chức làm việc “vần công” tức xây nhà theo thể thức luân phiên xoay vần lẫn nhau để trả công chứ không trả tiền, đồng thời tự đúc gạch ngói, dùng vật liệu có ngay trên đảo như đá quánh (đá chai) để hoàn thành,

* Tài liệu do ông Trần Văn Phơ ở ấp Tây Long Hải cung cấp. (LHL).

ngoài vật liệu phải mua như ciment, cây gỗ. Chung quanh đều có dựng tường gạch hoặc bằng lớp đá tàn ong lấy ở biển để chắn gió. Từ năm 1963 đến nay (1970) đã có trên 80% căn nhà ngói trắng lẹ thoát thai từ lối kiến trúc cổ lỗ, làm tăng vẻ đẹp thơ mộng cho đảo Hòn.

Tại hải đảo không có cọp hùm, thú dữ, chỉ có thỏ, trăn to nhưng không hại người, thỉnh thoảng có loại chim “sao sáo sành” cùng đôi ba chim sẻ bay lượn rồi biến mất. Con rết địa phương còn gọi rệp to cỡ hai ngón tay, dài 2 tấc đỏ như lửa, ban đêm thường theo ánh sáng đèn của nhà vườn xách tay soi đường trông coi rẫy. Nếu bị cắn phải chỉ bị đau nhức tý thôi, trái lại người trông thấy lần đầu thì khiếp vía. Đặc điểm của rắn ở đây có 3 loại là rắn roi tức rắn lục ở đất liền, rắn hổ và rắn mối không có nọc độc. Các nhà rẫy đi làm lỡ khuya không về kịp có thể ngủ lại vườn bình yên. Cho nên từ xưa đến nay, người ta chưa hề nghe nói rắn cắn chết người trên hải đảo. Trẻ em bắt rắn cầm chơi là thường.

Hàng năm vào khoảng tháng 3, tháng 4 thì tiết trời oi bức bắt đầu. Về đêm, phần đông đồng bào ở gần mé biển đưa nhau ra bãi nghỉ ngơi, cửa nhà bỏ ngõ, con trẻ trần truồng lăn dưới đất ngủ ngon lành. Do ảnh hưởng của khí trời trong sạch bao trùm, đảo Phú Quý có tiếng từ lâu không có gió độc gây ra chứng trúng gió nguy hiểm đến tánh mạng như trong đất liền. Đồng bào hải đảo chưa hề biết bệnh trúng gió là gì!

Nói đến giếng Tiên ở ấp Tây Long Hải là người ta liên tưởng đến những nhóm di dân trôi dạt tìm được nước uống rồi truyền tụng cho là nước tiên nên mới gọi là giếng Tiên. Giếng này nguyên là một vũng nước ngọt trong vắt, bỏ cây kim cũng trông thấy rõ, nay được xây thành cao ráo hẳn hoi, mùa mưa nước ngập tràn tới miệng, bình thường bề sâu độ 5, 7 thước. Ở đảo Phú Quý có rất nhiều giếng công cộng, dành cả ăn lẫn uống, bên cạnh có bảng treo hàng chữ “Cấm tắm giặt, bắt tuân phạt 120 đồng”. Riêng ở An Hòa và Phú Mỹ thì có 2 giếng nước đục thường gọi “nước hên” theo địa phương.

Trên đất đảo có 2 xã trồng dừa, muốn ăn dừa ngon phải lựa Tam Thanh, trái lại nước uống thì thua Ngũ Phụng. Vì vậy ca dao có câu:

“Dừa Triều Dương bằng mười Ngũ Phụng”

Trong khi:

“Bát nước Ngũ Phụng hơn Tam Thanh mấy lần”

Các cô thiếu nữ Triều Dương (Tam Thanh) thường tỏ ra hiếu khách với những ai xa lạ muốn tìm hiểu địa phương mình:

“Triều Dương ai thương thì xuống”

Nhưng trước người đẹp Triều Dương xa lục địa, chàng trai chẳng muốn rời chân với câu đáp đầy duyên dáng:

“Triều Dương động cát quá cao

Vì em anh phải lao đao thế này”

Nông sản chính của đồng bào hải đảo là bắp. Tại khắp các tư gia và ở nơi công cộng đều có những cối giã bắp giống loại giã gạo bên cạnh vườn trầu xanh xanh. Người ta giã lấy lõi (cơm bắp) để ăn, vỏ (cám bắp) dành

nuôi heo và củi bắp phơi khô thay than củi. Cây bắp được cột thành bó dựng quanh vỉa hè để khô chụm, lá bẹ (lá bắp) cho bò ăn và để ủ làm phân bón rầy. Những câu hát đậm, lơ đãng tình sau đây nói lên tầm quan trọng của nguồn lợi lớn ở Phú Quý:

“Chị kia bới tóc đuôi gà
Anh kia giứt lại hời nhà chị đầu
Nhà chị có cây bông cầu (cây mảng cầu)
Có cối giã gạo vườn trầu một bên”

Bắp Phú Quý là món ăn thuần túy của mọi giới đồng bào. Người ta đang đặt mua máy xay bắp trong chương trình khuyến khích trồng cho nuôi heo. Với số cây và bẹ bắp hiện hữu không đủ cung ứng nhu cầu than củi, người ta phải dùng những ngọn chông (thân cây dừa gai) làm lửa.

Đảo Phú Quý không có việc đầu cơ lên giá, lý do cho thấy ghe thuyền di chuyển vô ra lục địa bất thường nên không bắt được tin hàng khan hiếm.

Với ngót 10.000 dân trên đất đảo mà không có ai làm thịt heo bán hàng ngày ở chợ. Heo thịt ở đây nuôi với tánh cách khá quy mô, chỉ để dành cúng tế, số còn lại đều bán vào Phan Thiết.

Người dân hải đảo sinh hoạt một cách thô sơ cổ lỗ của ngày trước như trẻ em không chịu đi học, sanh đẻ dùng kéo cắt rún, mê tín dùng nước lã phù phép trong chữa bệnh... Ngày nay, người ta sẵn sàng tiếp nhận ánh sáng văn minh từ khắp nơi mang tới, nhưng có điều “nhập gia tùy tục, nhập sông tùy khúc”, ở đây “dễ ăn khó ở” nếu không chịu khó tìm hiểu những tập tục quen thuộc từ xưa của người dân.

Di tích lịch sử

Miếu Bà Chúa và di tích Chiêm Thành

Tục truyền rằng xưa kia Bàn Tranh Vương, một vị công chúa Chăm lâm lỗi bị vua cha [có lẽ là vua Indravarman (918-959)] phạt đày tới một nơi hoang vắng vùng hải phận. Theo hướng bắc, chiếc bè tre đưa công chúa cùng một số gia nhân trung tín đến hải đảo không người ở vùng bờ biển ấp Tây Long Hải, Phú Quý ngày nay.

Sau 3 năm, vua cha hối hận truyền lệnh cho quần thần kiếm tìm công chúa, số người đi đã tìm gặp nhưng công chúa không về triều mà ở luôn nơi hoang đảo. Bàn Tranh Vương đem ruộng đất phân phối cho số dân Chăm, về sau số đồng bào Chăm này không theo kịp sức bành trướng quá mạnh và quá nhanh của nhóm người Việt đầu tiên ở vùng duyên hải Trung Phần trôi dạt vào hải đảo rồi đồng hóa luôn dân tộc Chăm đến ngày nay.

Bàn Tranh Vương khi chết hiển Thần cứu dân độ thế. Cho đến năm Minh Mạng đệ nhất niên (1820), Bà được nhà vua phong sắc *Bàn Tranh Vương hiển vãng chi thân*. Di tích ngôi miếu thờ gọi miếu Bà Chúa, được dân chúng địa phương lập tại ấp Tây Long Hải, nơi Bà đặt chân đầu tiên khi đến đảo. Miếu Bà Chúa nguyên trước lợp tranh lợp xúp, đến năm 1959 thì được trùng tu kiến thiết, hàng ngày đều có thập phương bá tánh đến chiêm bái với lòng ngưỡng mộ chân thành.

Trong miếu Bà, ngôi mộ chôn ngay dưới bàn thờ, trên có tấm bia bằng

đá mài, loại đá dùng để mài dao lấy ở ngoài khơi đảo Phú Quý, khắc chữ THÂN to lớn ở giữa và không có dấu hiệu nào khác thuộc ngành điêu khắc Chăm (Sancrit) ngoài hai câu liên tả hữu treo trước hai gương báu của Bà. Hai câu liên này được phiên âm như sau:

*Đường trung thánh hiển hộ lê dân
Triều nội thần linh an thập nhất*

Di tích Chiêm Thành trên hải đảo hiện còn có xóm Chăm, tục gọi xóm Bà Chúa ấp Tây Long Hải với vùng đất rẫy dưới chân núi Cao Cát. Ở đây có những thửa đất trồng hoa màu rất xanh tốt, hình ảnh trước kia là ruộng Bà cấp phát cho dân Chăm trồng lúa. Cùng trong phạm vi miếu Bà Chúa còn rất nhiều ngôi mộ của đồng bào Chăm xây theo kiểu Mã chà vùng thường thấy trên đất liền thuộc Phan Rang, Phan Rí. Người Chiêm Thành có lệ chia của cho người chết và chôn theo quan tài. Lúc có thân nhân qua đời, họ họp nhau chia của. Người bất hạnh có một phần tùy theo địa vị và sức làm việc trong gia đình. Bao nhiêu của cải ấy được đổi thành vàng nén để cạnh xác chết. Có người dặn con cháu lấy vàng làm những hình tượng như thú vật nhỏ, trái cây. Do đó, tất cả ngôi mộ của người Chăm đều có vàng, nhiều ít tùy theo gia cảnh. Ở đây người Chăm chôn xác chết xong cũng đắp nấm như ta. Có người cắm tấm bia bằng đá ong, hoặc xây một ngôi tháp nhỏ bằng gạch thường. Trải qua mấy trăm năm rồi bỏ đảo đến nay có một số phần mộ không còn giữ vẹn nguyên hình.

Đồng bào Phú Quý kể lại rằng lúc người Việt bắt đầu tràn ngập lấn áp người Chăm ở hải đảo, hầu hết nạn nhân phải gấp rút tìm cách chạy tránh không thể mang theo hết tài sản được. Họ bèn cùng nhau đánh vàng thành nhiều loại trái cây như nải chuối, buồng cau, bắp chuối, cam, quýt, mãng cầu, dừa, ổi... đem bỏ xuống một giếng nước rồi xây lấp lại. Nơi đây nguyên là một cái giếng gọi giếng Tiên của người Chăm thuộc phạm vi ruộng Bà cách miếu thờ chừng 1.000 thước, lấy nước chuyên trị các chứng bệnh nan y và ghê lở của đồng bào lúc bấy giờ. Các báu vật này là của cả xóm Chăm ngày trước đã được thư phù ếm đối trước khi chôn lấp thường gọi là phong thần giữ của như người Trung Hoa. Họ tin tưởng tuyệt đối vào uy linh các vị thần giữ kho vàng dù trải qua hàng bao nhiêu trăm năm mà thần lực cũng vẫn còn.

Trong quyển gia phả của một gia đình đồng bào Chăm lưu lạc, thân nhân còn ngụ tại ấp Tây Long Hải bây giờ, hiện cất giữ ở xã Phan Rí, quận Hòa Đa có ghi “mật hiệu” để tìm vàng chôn giấu ở giếng Tiên gọi là một “đậm hú”. Đậm hú này là một tiếng hú nghe rất náo nùng phát ra từ miếu Bà Chúa vọng đến giếng Tiên nghe được, tức là địa điểm có chôn vàng. Ngày nay dấu vết chỉ là vùng hoang vu với lớp đất cát màu bằng phẳng không thể tìm ra được chỗ chôn vàng, nếu không phải thân nhân người có gia phả.

Trong số người Việt được vàng Chiêm Thành, ta có thể chia làm 3 thành phần: tình cờ, cố ý và được người khuất mặt gọi cho. Đảo Phú Quý có rất nhiều trường hợp khác biệt hoặc tương tự xảy ra như ở hầu hết đất đai thuộc giang sơn cũ của Chiêm Thành ngày trước. Những người làm rẫy, nhà vườn ở quanh xóm Chăm Long Hải trong khi cuốc đất trồng khoai, đào đông^(*) ăn thịt, thường gặp phải vàng Chăm. Đại loại những món đồ bằng vàng như bắp chuối to bằng thật, buồng cau 30 trái, hòn bi đồng tiền to

bằng khu chén dày độ 5 ly khắc chữ bùa Chàm, tượng Phật, tượng thần. Kỹ thuật dát vàng, và nấu vàng cũng như khảm vàng của người Chàm xưa kia đã tiến với trình độ khá cao.

Ở ấp Quý Thạnh (Ngũ Phụng) có vợ chồng bà A, trong lúc đào đất xây chuồng bò gặp một cái hủ bằng sành rất đẹp trong đựng nải chuối, buồng cau, con cua, bướm bướm với màu rêu mốc bám xanh dờn nhưng trong ruột thì màu vàng đỏ ối. Người được vàng ở vào thành phần tình cờ này bỗng trở thành tiểu phú ông giàu có. Nghe đâu chẳng bao lâu người chồng phát đau rồi chết một cách thảm thương.

Tại xóm Chàm ấp Tây Long Hải đến nay vẫn còn giữ được tập quán cất nhà theo kiểu người Chàm ở Baláp (Phan Rang), cách dọn ăn cho khách khi quây cơm cúng kỵ phải 4 chứ không được 5 người. Các thiếu nữ, trẻ con còn đeo kiềng đồng, vòng bạc.

Cá Ông Voi (Ông Nam Hải)

Về việc thờ cúng các vị thần linh biển cả, các xã trên đảo đều có lập làng để thờ. Danh từ *lăng* ở đây được địa phương hóa lâu đời khác với làng dành cho mộ các vị đế vương. Ngoài ra còn có những “vạn” là nơi cất giữ các sắc phong cá Voi và cử hành lễ cúng hàng năm trên đảo. Tại xã Tam Thanh có 2 vạn Mỹ Khê và An Thanh (Triều Dương), vạn Quý Thạnh, vạn Thương Hải xã Ngũ Phụng, vạn Nhỏ ở ấp Đông và vạn Lớn ở Tây Long Hải.

Đối với ngư dân hải đảo, tập tục thờ cúng cá Ông Voi (Ông Nam Hải) đã ăn sâu vào tiềm thức họ từ lâu đời. Do đó, cả hai giới nông gia, ngư phủ thấy đều trọng thờ cá Ông Voi và Thầy Nại. Tại ấp Tây Long Hải có làng thờ Ông Nam Hải gọi làng Long Hải, nơi thờ một vị Ngọc long ngư (Cá ngậm ngọc). Ở Tam Thanh có hai làng Hội An, Triều Dương và làng Cô Mỹ Khê. “Cô” là loài cá Voi cái khi tử (chết) được an táng đều tiến vào làng để thờ thì gọi làng Cô, trong khi làng nói chung để chỉ cá Voi đực tức ngài Nam Hải hay gọi Ông Ngài. Xã Ngũ Phụng có các làng ở xóm Cội Phú Mỹ, An Hòa, Thương Hải, Hải Châu và Quý Thạnh. Ở hòn Tranh có mộ phần chôn ngọc cốt (xương cá Ông Voi) của 72 vị cá Ngài chết tập thể, được trùng tu xây lại hồi 1955.

Theo kinh điển thì cá Ông Voi là tiền thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trải qua hàng hà sa số kiếp hóa thân thành cá Ngài. Cá Ông Voi thường cứu khổ chúng sinh nhân một cuộc tuần du địa hải trở về sau khi đắc đạo ở cõi Niết Bàn. Sách chép rằng: “Một hôm trên búp sen hồng lướt qua mặt nước để quan sát toàn cõi đại dương Nam Hải, đức Quán Thế Âm ngậm ngùi đau xót cho muôn vạn sinh linh đắm chìm trong bể khổ qua bao trận cuồng phong hãi hùng mà nạn nhân chỉ toàn là ngư phủ quanh năm lấy nghề chài làm sinh kế. Đức Bồ Tát bèn cỡi chiếc pháp y xé tan từng mảnh vụn thả trôi trên đại dương hóa thành cá Ông Voi.”

Hồi khoảng thế kỷ thứ 18, khi đức vua Gia Long tấu quốc, có lần nhờ

* Đông là loài bò sát có tên khoa học thuộc giống *Crotaphytus*, họ Iguandiac, bộ Squamates, hình thù đủ màu sắc, chuyên cắn phá hoa màu ăn hại mầm non. LHL.

Ông Nam Hải cứu nguy thoát khỏi tay Tây Sơn, và khỏi bị chìm. Ngày phục quốc, ngài phong sắc cho cá Ông Voi với chức Nam Hải Cự Tộc Ngọc Long Thủy Tướng Chư Vị Tôn Thần tức Nam Hải Đại Tướng Quân, đồng thời liệt kê vào hàng đầu các bản văn cúng tế hàng năm theo nghi thức cổ truyền.

Với hình vóc to lớn trung bình dài từ 5 thước đến 40, 50 thước, cao cỡ 8 thước bằng chiếc ghe bầu, cá Ông Voi có cặp mắt hình nằm ngang liền với cặp lông nheo trông như mắt người phàm tục, đầu bằng mà nhọn, đuôi tôm rẻ quạt, mình đen bụng trắng như miếng cơm dừa, miệng rộng lòi hàm răng đều nhau như hàng hột bắp, lợi nhanh và uyển chuyển lẹ làng không có tiếng động. Ông Nam Hải có tục danh để gọi theo tục lệ cổ truyền căn cứ vào hình dáng của hình đầu cá Voi. Ông Lớn chỉ cá Ông Voi thật to lớn, loại nhỏ nhất thì kêu Ông Cậu. Ông Lớn thường ở xa bờ còn gọi Ông Khơi. Ông Cậu ở gần được gọi Ông Lộng. Ngoài ra các Ông Chuông, Ông Thông, Ông Máng, Ông Thoi, Ông Mun, Ông Đẳng, Ông Hồ... cùng là dòng họ cá Ông Voi.

Ngư dân miền duyên hải thường nói rằng khi cá Ông Voi xuất hành thì tất cả các loài cá đao, tôm mực được coi như các chư vị thủy thần làm nhiệm vụ theo hầu bảo vệ. Nhờ cá đao có chiếc gươm trước mũi dài trên 1 thước cứng như xương, hình răng cưa sắc nhọn dành để chém cá mập, cá xà. Loài mực có “trái khói” xịt ra trong khi loài tôm với cặp càng khổng lồ nhảy vô vòng chiến “búng” các đối thủ bao quanh.

Khi đã già yếu hay gặp tai nạn giữa bể khơi, cá Voi được Ông Lớn khác kê lưng dìu vào cho ngư dân đón rước, cung nghênh xác cá về làng. Trong những dịp ấy, ngư dân hải đảo ghi nhận được sự việc báo hiệu của cá Ông Voi từ hải phận tỏa ra làn khói trắng ngay “lỗ thông đạo” giữa đỉnh đầu, theo sau là tiếng kêu “boong boong” như chuông đồng ngân đổ, hình thức của cá Voi “sống” tỏ sự biết ơn ngư dân cung nghênh cá Ông Voi tử lụy. Nếu chưa được ngư dân nào trông thấy, cá Ông Voi khi chết giữa biển thì nằm ngửa để bảo vệ bộ đồ lòng khỏi bị các loài cá khác rút rửa. Lúc tấp vào bờ, xác cá không hề bị ruồi nhặng bu quanh hoặc sanh “dòi” dơ dáy.

Tại làng, người ta xây hộc để bao quanh Ông Lớn, phía trên đổ cát trắng sạch, cá nhỏ (Ông Cậu) thì đào lỗ an táng ở mộ phần dành cho cá Ông Voi. Toàn thể ngư phủ tụ tập đông đủ để cử hành lễ mai táng linh đình trọng thể suốt 3 ngày đêm. Đúng 3 năm sau thì thịt cá Ông Voi đã rã, người ta lại phải làm lễ khai quật hốt cốt cho vào thùng niêm phong cẩn thận sau khi rửa bằng rượu trắng để khô do một ngư phủ cao niên và uy tín nhất làng đảm nhiệm. Cốt cá Ông Voi gọi là Ngọc cốt được gìn giữ để thờ. Trải qua hàng trăm năm Ngọc cốt vẫn còn cứng như đá, màu đục trở lại ửng hồng và không còn hư mòn hôi thối.

Theo sự tin tưởng của ngư dân đảo Phú Quý khi gặp ngày mùa không trúng cá, người ta đến làng thờ làm lễ rước xương Ông, đổ rượu trắng vào Ngọc cốt và hứng lấy nước rượu đem rưới vào dàn lưới, dàn câu, đồ nghề ngư nghệ để hôm sau đánh cá được nhiều. Ngọc cốt còn chuyên trị tận gốc các chứng nóng mê nói sảng, trừ bệnh “con sát”. Các lái buôn xuôi ngược trên biển ở các vùng đồng bằng, thượng du sơn cước, nếu có bạn bè ở vùng duyên hải tặng cho ít Ngọc cốt đeo vào người thì coi như được lá bùa hộ mạng khỏi

sợ ếm hại bằng phù phép.

Người thợ tang là ngư dân đầu tiên bắt gặp cá Ông Voi từ hải phận, phải bịt khăn điều màu đỏ và sau 3 năm liên tiếp mới được xả tang. Người thợ tang còn phải tuân theo tục lệ cổ truyền ấn định: 3 ngày làm lễ tạ mộ (mở cửa mả), 21 ngày làm lễ cầu siêu, làm tuần 3 tháng 10 ngày và ngày giỗ kỵ giáp năm, cho đến 3 năm sau thì làm lễ thượng Ngọc cốt để thờ là xong nhiệm vụ. Sinh hoạt của ngư dân chịu tang còn ảnh hưởng trong suốt thời gian 3 năm liên tiếp, nếu bê tha rượu chè xúc phạm uy danh cá Ông thì sẽ bị Ông “hành” dữ dội. Nạn nhân la làng, nhảy múa suốt ngày, đến khi tàn hơi hết sức thì nằm cạnh mộ cho tới lúc có người trong tộc đứng ra xin chịu lễ mới dứt chứng điên cuồng.

Tại các tỉnh duyên hải phía bắc trung nguyên Trung Phần, người ta chọn một thiếu niên chưa vợ lên đồng kể lại tai nạn của cá Ông Voi gặp phải cũng như báo trước ngày mùa trong năm sẽ thất hay được. Ở Phú Quý không có sự kiện này, nhưng có sự linh ứng của 72 vị Ông Ngài chết tập thể liên quan đến bệnh chết dịch khủng khiếp xảy ra tại đảo hồi đầu thế kỷ 20.

Lăng Quý Thạnh (xã Ngũ Phụng) nguyên trước được xây ở Doi Dừa với tánh cách đơn sơ chiếu lệ để thờ Ngọc cốt của 72 vị Ngài này từ hòn Tranh đưa sang sau 3 năm thượng cốt. Nhưng sau tai nạn dịch hạch khủng khiếp chưa từng xảy ra trên đảo hồi năm 1925 thì đồng bào địa phương cho rằng bị Ông Ngài quả phạt, mới khai quật tái chuyển hoàn về vị trí cũ của hòn Tranh. Năm 1955, được sự tham dự của vị Thượng tọa Thích Tường Vân, một mộ phần xây theo kiểu tháp mộ được dựng tại hòn Tranh với sự đóng góp về công sức và vật liệu (đá quánh) của đa số ngư dân hải đảo. Số Ngọc cốt này bị rã rời không phân biệt được nên Thượng tọa sắp xếp theo thứ tự lớp dưới hàng xương, lớp trên thủ cấp khi cải táng.

L H L

TÓM TẮT

Phong tục tập quán và đời sống tinh thần của người dân đảo Phú Quý mang đậm nét văn hóa của cư dân vùng biển, đảo Việt Nam. Do sống biệt lập giữa biển khơi, trước đây, đời sống của đồng bào còn nhiều lạc hậu, với nhiều tập tục mê tín dị đoan. Ngày nay, người dân đảo Phú Quý sẵn sàng tiếp nhận ánh sáng văn minh từ khắp nơi mang đến, nhưng có điều “nhập gia tùy tục”, ở đây “dễ ăn khó ở” nếu không chịu khó tìm hiểu những tập tục từ xưa của địa phương.

ABSTRACT

SURVEY ON PHÚ QUÝ ISLAND

The customs and spiritual life of the people on Phú Quý island own features typical of life on off-shore islands. Due to their isolated life out in the sea, in the past the people were backward, with a lot of superstitious habits. Nowadays, they are willing to receive civilization from the outside world, but a newcomer here should “nhập gia tùy tục” [amend his way to the local customs]. It is often said if one does not get to learn the locals' traditional customs, then he will find it easy to make a living here, but quite hard to stay with the people.